TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1183/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 9 - 2019
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Chí;

Ông Nguyễn Công Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyến là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 526/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 về việc: "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 160/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1975; Nơi cư trú: đường H, Phường MM, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Ngọc X, sinh năm 1972; Nơi đăng ký hộ khẩu: đường N, Phường MH, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: đường L, Phường MS, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 06 tháng 3 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Kim N là nguyên đơn trình bày: Bà và ông Phạm Ngọc X tự nguyện chng sống với nhau từ năm 2000, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 137 quyển số 01/2000 ngày 01 tháng 11 năm 2000 của UBND Phường MM, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn, ông bà về sống ở nhà chồng tại địa chỉ đường N, Phường MH, quận B. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông X sống không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con, ông còn thường xuyên cờ bạc, cá độ bóng đá. Bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng không có kết quả. Sau khi bà về nhà cha mẹ ruột sinh con vào tháng 8/2013 thì gia đình ông X cũng bán nhà và ông X về tạm trú tại nhà anh ruột ở địa chỉ đường L, Phường MS, quận G. Từ đó, ông không đến thăm vợ con, không cấp

dưỡng nuôi con và vợ chồng cũng chính thức ly thân cho đến nay. Nay, do thời gian sống ly thân đã lâu, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Ngọc X.

Về con chung: Có 01 con tên là Phạm Nguyễn XN, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2013 do một mình bà N trực tiếp nuôi dưỡng từ lúc sinh ra đến nay. Bà N yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ tại nơi có đăng ký hộ khẩu và nơi cư trú của ông Phạm Ngọc X nhưng ông vẫn không có mặt tại Tòa án để làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim N vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, đã có bản tự khai phù hợp với đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Bị đơn là ông Phạm Ngọc X vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi Tòa án nhân dân quận Gò Vấp thụ lý vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định về nội quy phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn vi phạm Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ hồ sơ vụ án thể hiện bà Nguyễn Thị Kim N và ông Phạm Ngọc X tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2000, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 137 quyển số 01/2000 ngày 01 tháng 11 năm 2000 của UBND Phường MM, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nay, bà Nguyễn Thị Kim N có yêu cầu ly hôn với ông Phạm Ngọc X, xác định đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Theo kết quả xác minh của Công an Phường 12, quận Bình Thạnh thì: *"Ông Phạm Ngọc X, SN: 1972, HKTT: đường N, Phường MH, quận B không còn cư ngụ tại địa chỉ trên. Hiện ông X đang tạm trú tại đường L, Phường MS, quận G từ năm 2013"*. Theo kết quả xác minh của Công an Phường 16, quận Gò Vấp thì: *"Đ/s Phạm Ngọc X, 1972 tạm trú tại địa chỉ đường L, Phường MS, quận G nhưng đã đi khỏi địa phương từ tháng 5.2019 đến nay, đi đâu không rõ"*. Căn cứ vào khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015, điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5

năm 2017 của Tòa án nhân dân Tối cao, xác định bị đơn có nơi cư trú tại địa chỉ đường L, Phường MS, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ngày 23 tháng 7 năm 2019 bà Nguyễn Thị Kim N là nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà, ông Phạm Ngọc X là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim N yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Ngọc X vì tình cảm vợ chồng không còn. Bà N cho rằng bà và ông Phạm Ngọc X trong quá trình chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do ông X sống không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con, thường xuyên cờ bạc, cá độ bóng đá, bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng không có kết quả. Sau khi bà về nhà cha mẹ ruột sinh con vào tháng 8 năm 2013 thì ông X cũng không đến thăm vợ con, không cấp dưỡng nuôi con và vợ chồng cũng chính thức không sống chung từ đó đến nay.

[4] Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau…",* nhưng theo nguyên đơn trình bày thì bà và ông Phạm Ngọc X đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2013, ông bà không còn thương yêu, tôn trọng nhau, cũng không quan tâm, chăm sóc, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình để vun đắp cho cuộc sống. Vợ chồng cũng đã không sống chung với nhau từ tháng 8 năm 2013 đến nay.

[5] Tòa án đã triệu tập ông Phạm Ngọc X đến Tòa án tham gia hòa giải cũng như tham gia phiên toà nhưng ông không đến, điều đó thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm cũng như không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này cho thấy hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim N là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim N.

[6] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim N yêu cầu được trực tiếp nuôi con tên là Phạm Nguyễn Xuân Nghi, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2013. Hội đồng xét xử xét thấy bà N là người trực tiếp nuôi trẻ Phạm Nguyễn XN từ lúc sinh ra đến nay. Để không làm xáo trộn cuộc sống cũng như đảm bảo sự phát triển bình thường của trẻ, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc giao trẻ Phạm Nguyễn Xuân Nghi cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Bà N không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Kim N khai không có. Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Phạm Ngọc X nên không có cơ sở xem xét. Trường hợp phát sinh tranh chấp, các bên sẽ khởi kiện trong vụ án khác.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim N:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với ông Phạm Ngọc X.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 137 quyển số 01/2000 ngày 01 tháng 11 năm 2000 của UBND Phường MM, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực).

1.2. Về con chung: Giao trẻ Phạm Nguyễn XN, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2013 cho bà Nguyễn Thị Kim N trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị Kim N không yêu cầu ông Phạm Ngọc X cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phạm Ngọc X được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

1.3. Về tài sản chung: Trường hợp phát sinh tranh chấp, các bên sẽ khởi kiện trong vụ án khác.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) do bà Nguyễn Thị Kim N chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000579 ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP.HCM;
- Viện KSND Q.Gò Vấp;
- Chi cục THADS Q.Gò Vấp;
- UBND Phường MM, Q.B, TP.Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Điệp

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Điệp